

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số **124** /2020/ DSST

Ngày 24.8.2020

V/v: *Đòi tài sản cho vay mượn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Hồng Bách**

- **Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Hoàng Thị An**

2/ Bà Nguyễn Thị Giang

- **Thư kí phiên tòa : Bà Hoàng Thị Thu Thảo** – Thư kí Tòa án nhân dân huyện Đông A

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông A tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24.8.2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông A xét xử công khai vụ án dân sự thụ lí số 88 /2020/DSST ngày 18.5.2020 về tranh chấp “ Đòi tài sản ”, theo Quyết định đ-a vụ án ra xét xử số 56 /2020 /QĐXXST ngày 6 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Vũ Thị N**, sinh năm 1976

Trú tại: Phù Đ 2, xã Phù Đ, huyện Gia L, Thành phố Hà Nội.

(có mặt)

Bị đơn: **Ông Tô Văn T**, sinh năm 1969

Trú tại: Sơn D, xã Nguyên K, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội.

(xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Huy T1, sinh năm 1972(chồng bà N)

Trú tại: Phù Đ 2, xã Phù Đ, huyện Gia L, Thành phố Hà Nội

(Xin xét xử vắng mặt)

2. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1972 (vợ ông T)

Trú tại: Sơn D, xã Nguyên K, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội

(Xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 9.3.2020 của bà Vũ Thị N và các lời khai và của Nguyên đơn nội dung vụ kiện nh- sau:

Khoảng tháng 5/2012 bà Vũ Thị N có cho ông Tô Văn T vay số tiền là 300.000.000 đồng thông qua chị gái của ông T, bà Tô Thị T2 để ông T lấy

vốn làm ăn. Hai bên đã giao nhận tiền nhưng không viết giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Đến năm 2016, ông T mới viết giấy vay nợ, thời hạn vay là 2 năm, không ghi lãi suất. Tuy nhiên hết thời gian thỏa thuận nhưng ông T vẫn chưa trả nợ. Đến ngày 18/6/2019 ông T lại tự viết giấy nhận nợ với khoản vay 300.000.000 đồng nêu trên. Nay ông T chưa trả được cho bà N khoản nợ trên nên bà N có đơn yêu cầu khởi kiện ông T trả bà số tiền 300.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi trong thời gian vay cho đến ngày xét xử nhưng yêu cầu ông T phải chịu lãi chậm trả từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn thi hành án. Số tiền lãi chậm trả theo quy định của Bộ luật dân sự 2005. Bà N yêu cầu ông T phải trả tiền cho bà không yêu cầu ai khác cùng phải trả tiền.

* Bị đơn ông Tô Văn T trình bày:

Giấy mượn tiền ngày 02/8/2016 giấy nhận nợ ngày 18/6/2019 cũng là do ông T viết và kí tên. Ông T xác định là có vay của bà N số tiền 300.000.000 đồng để lấy vốn làm ăn, lãi suất thỏa thuận là 9.000.000 đồng/tháng (không viết giấy tờ). Hai giấy vay tiền ngày 2.8.2016 và giấy vay tiền ngày 18/6/2019 đều là xác nhận cho 1 khoản tiền vay là 300.000.000 đồng. Ông T xác định chưa trả đồng nợ gốc nào trong khoản vay 300.000.000 đồng. Trách nhiệm trả nợ là của riêng ông T, vợ ông không biết, không liên quan, ông không sử dụng số tiền trên vào việc của gia đình mà giao cho công ty Phúc An, có trụ sở ở Sóc Sơn, Hà Nội, sử dụng. Nay công ty đã dừng hoạt động. Số tiền đó giao để đóng góp vốn kinh doanh. Quá trình vay ông T có trả lãi hàng tháng cho bà N nhưng không viết giấy biên nhận. Việc trả lãi thông qua chị gái Tô Thị T2. Mỗi tháng trả lãi là 9 triệu đồng, trả vào ngày cuối tháng. Số tiền đã trả lãi khoảng 200.000.000 đồng. Thời gian trả lãi vào khoảng năm 2014, 2015. Việc trả lãi thông qua chị gái Tô Thị T2 Nay bà N có đơn yêu cầu ông T thanh toán khoản nợ 300.000.000 đồng ông T chỉ đồng ý trả 150.000.000 đồng vì đã trả lãi quá cao. Trả số tiền này là hợp lý. Nếu bà N đồng ý thì tôi nhất trí lập văn bản thỏa thuận. Nếu không đồng ý về mức trên thì đề nghị Tòa án miễn hòa giải. Ông T không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã trả nữa.

* **Ông Đặng Huy T1 (chồng bà N) trình bày:** năm 2012 bà N có cho ông Tô Văn T vay 300.000.000 đồng không có giấy tờ gì, nhưng sau đó Ông T không trả ông và vợ có đến nhà gặp và yêu cầu ông T trả tiền. Ông T chấp nhận viết giấy vay tiền năm 2016 và năm 2019 mà bà N đã nộp cho Tòa án. Nay bà N có đơn yêu cầu ông T trả 300.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, cũng như tính lại số tiền lãi đã trả, tính tiền chậm thực hiện nghĩa vụ ông T1 đồng ý với ý kiến của bà N. Ông nhất trí để chỉ bà N đứng đơn khởi kiện và yêu cầu ông T trả tiền cho bà N. Ông không yêu cầu đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hay đồng nguyên đơn. Ông T1 đề nghị xin xét xử vắng.

* **Bà Lê Thị N1 (vợ ông T) trình bày:** chồng bà ông Tô Văn T có vay tiền của bà N. Vay làm gì, bao nhiêu tiền bà N1 không biết. Ông T không đưa

cho bà, không sử dụng vào việc của gia đình, bà không sử dụng số tiền đó. Bà không có liên quan và xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa :

Bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu buộc ông T phải trả cho bà số tiền 300.000.000 đồng không yêu cầu phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc quá hạn. Yêu cầu trả tiền chậm thanh toán kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn thi hành án. Những yêu cầu của bà là hoàn toàn tự nguyện, khôn bị ai ép buộc.

Bị đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt.

Phát biểu của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông A:

- Về tố tụng: Thẩm phán, hội thẩm, nhân dân và thư kí tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N đối với ông Tô Văn T.

- Về án phí: ông T phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của nhà nước.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1]. Về tố tụng:

Ông Tô Văn T trú tại Thôn Sơn D, Nguyên K, Đông A, Hà Nội.

Tòa án nhân dân huyện Đông A thụ lí vụ kiện đúng quy định của pháp luật.

Bà N khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền đã cho vay mượn nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật đòi tài sản cho vay mượn là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xem xét yêu cầu của nguyên đơn:

Bà T nộp kèm theo đơn khởi kiện các tài liệu, chứng cứ về việc vay tiền là các giấy mượn tiền như sau:

1/Giấy mượn tiền ngày 2.8.2016:

“ Hôm nay ngày 2/8/2016 Tên tôi là Tô Văn T, Quê quán Sơn D, Nguyên K, Đông A, Hà Nội. Số CMT 01185660 thỏa thuận hai bên cho vay 300.000.000 đồng hẹn trong thời gian 2 năm sau trả lại cho chị Vũ Thị N Phù Đ, Gia L, Hà Nội. Nếu sai tôi chịu trước với chị N”

Người vay kí tên.

2/Giấy nhận nợ ngày 18/6/2019

“ Tên tôi là Tô Văn T, quê quán Sơn D, Nguyên K, Đông A, Hà Nội.

Tôi có nhận nợ số tiền của chị N Gia L, số tiền là 300.000.000 đồng. ba trăm triệu đồng chẵn. hẹn trong vòng hết tháng 9 dương lịch tôi sẽ giải quyết xong số tiền là 300.000.000 đồng ba trăm triệu đồng chẵn) mọi việc trên tôi có trách nhiệm trả cho cháu N số tiền trên

Ngày 18/6/2019

Người nhận

Tô Văn T”

Tại các lời khai của mình, ông Tô Văn T thừa nhận việc có vay của bà N số tiền 300 triệu đồng. Thừa nhận hai giấy viết vào ngày 2/8/2016 và ngày 18/6/2019 là do ông T tự viết và kí. Hai giấy trên là để xác nhận một khoản vay trị giá 300 triệu đồng và ông T thừa nhận chưa trả tiền gốc.

Bà N không yêu cầu buộc ông T phải trả tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm, không tính lại số tiền lãi mà bà khai ông T đã trả, ông T không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã trả (không có giấy biên nhận tiền lãi) nên các bên cũng không có thỏa thuận về tiền lãi thể hiện tại hai giấy mượn tiền ngày 2.8.2016 cũng như giấy nhận tiền ngày 18/6/2019. Hội đồng xét xử không xem xét về tiền lãi để buộc ông T phải trả.

Bà N yêu cầu Ông T phải chịu tiền chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn thi hành án. Yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận

Ông T thừa nhận nhận vay của bà N, ông T1 chồng bà N đồng ý việc buộc ông T trả tiền cho bà N; bà N1 vợ ông T không tham gia vay tiền, ông T không đưa cho bà N số tiền này, ông T không sử dụng số tiền này vào việc chi tiêu cho gia đình nên Hội đồng xét xử thấy chỉ cần buộc ông Tô Văn T trả số tiền 300.000.000 đồng cho bà Vũ Thị N và khoản tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn thi hành án.

[3] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả lại cho Bà Vũ Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 35, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Điều 471, 474 Bộ Luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11.1.2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án

phí lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2012/NQ- HĐTP ngày 13.6.2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Luật thi hành án dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị N đối với ông Tô Văn T.

Xử:

Buộc ông Tô Văn T phải thanh toán trả cho bà Vũ Thị N số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người đ- ợc thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Tô Văn T phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Vũ Thị N số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông A theo Biên lai số AA/2018/16184 ngày 18.5.2020.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày đ- ợc tổng đạt Bản án hoặc kể từ ngày Bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

☐n xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đ- ơng sự;
- VKS huyện Đông A, VKS Hà Nội;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Chi cục THA huyện Đông A.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Hồng Bách